

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu dân cư Khuông Bình
(vị trí 1 và vị trí 2), xã Phước Thắng của
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 835/STNMT-CCBVMT ngày 19/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu dân cư Khuông Bình (vị trí 1 và vị trí 2), xã Phước Thắng;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu dân cư Khuông Bình (vị trí 1 và vị trí 2), xã Phước Thắng đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 68/CV-BQL ngày 03/4/2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 417/TTr-STNMT ngày 09/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu dân cư Khuông Bình (vị trí 1 và vị trí 2), xã Phước Thắng (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tuy Phước;
- BQLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tuy Phước;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ KHUÔNG BÌNH
(VỊ TRÍ 1 VÀ VỊ TRÍ 2), XÃ PHƯỚC THẮNG CỦA BAN QUẢN LÝ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
HUYỆN TUY PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu dân cư Khuông Bình (vị trí 1 và vị trí 2), xã Phước Thắng.

- Địa điểm thực hiện: Xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Tổng diện tích: 47.073,31 m².

- Quy mô: gồm 141 lô đất ở với dân số 564 người và 01 Trường mầm non với khoảng 66 cháu.

- Cơ cấu sử dụng đất như sau:

Stt	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất công trình công cộng (Trường mầm non thuộc vị trí 02)	820,08	1,74
II	Đất ở (141 lô)	19.262,21	40,92
III	Đất cây xanh	1.893,23	4,02
IV	Đất hạ tầng kỹ thuật	3.333,43	7,08
1	Đất taluy	2.478,32	
2	Đất mương thoát nước	127,57	
3	Đất khu xử lý nước thải (thuộc vị trí 02)	727,54	
V	Đất giao thông	21.764,36	46,24
1	Đất hành lang giao thông	3.285,42	
2	Đất bãi đỗ xe	547,18	
3	Đất đường giao thông	17.931,76	
	Tổng diện tích	47.073,31	100

1.3. Các hạng mục dự án và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: san nền (48.793,5 m³), bố trí 141 lô đất ở với diện tích 19.262,21 m² và 01 Trường Mầm non với diện tích 820,08 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước sinh hoạt và PCCC, cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- 01 Bể tự hoại tập trung 5 ngăn, dung tích 100 m³ (đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng), kết cấu bằng bê tông cốt thép, có hạng mục xử lý mùi.

- Tổng diện tích công viên cây xanh khoảng 1.893 m².

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 46.293,7 m².

2. Hạng mục dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,72 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh cao,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động: Nước thải sinh hoạt của 141 hộ dân của dự án, 20 hộ dân đất ở hiện trạng và 01 trường mầm non tại khu vực dự án, phát sinh với tổng lưu lượng khoảng 45,36 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ đường bê tông xi măng hiện trạng khoảng 7,65 m³. Thành phần chủ yếu là xà bần.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 8,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, ni lông.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ thải phát sinh với khối lượng khoảng 4.845,4 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 8 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 502,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 5 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, pin ắc quy thải, các loại dầu mỡ thải,...

3.3. Tiếng ồn và độ rung: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển,....

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục dự án và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự khu vực dự án.

- Việc hình thành dự án gây ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước các khu vực xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ; dọn đất, cát, rác thải sinh hoạt... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh nước mưa chảy xuống các rãnh thoát nước.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn

+ Nước mưa trong khu vực dự án được thu gom bằng các hố ga và tuyến công BTLT D600, D800, sau đó dẫn về 02 cửa xả thoát ra tuyến mương đất hiện trạng phía Bắc dự án.

+ Xây dựng 02 tuyến mương bê tông có đan đập B500, có cao độ đỉnh mương (+2,22m) bằng với cao độ hiện trạng của khu dân cư, được bố trí dọc theo ranh tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng để tiêu thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt: Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế đi riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Phương án xử lý nước thải như sau:

+ Giai đoạn đầu của dự án khi hệ thống xử lý nước thải chung của khu vực chưa được đầu tư xây dựng:

Nước thải sinh hoạt của dự án sẽ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi hộ dân, sau đó được thu gom bằng tuyến ống HDPE D225 - D315 qua các hố ga, dẫn về bể tự hoại 5 ngăn tập trung ở phía Đông dự án (có bố trí hạng mục xử lý mùi) để xử lý.

Nước thải sinh hoạt của 20 hộ dân hiện trạng được thu gom xử lý bằng bể tự hoại hộ gia đình và tự thấm như hiện trạng; bố trí các hố ga chờ phục vụ đấu nối (sau khi những hộ dân này nâng nền sẽ thực hiện đấu nối nước thải).

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Trường mầm non: được thu gom, xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về bể tự hoại 5 ngăn tập trung của dự án.

+ Về lâu dài: khi hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của khu vực được xây dựng theo quy hoạch, bể tự hoại 5 ngăn sẽ được chuyển đổi công năng thành trạm bơm để bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín; chở đúng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng xử lý theo quy định.

+ Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động tháo dỡ công trình cũ và đất bóc phong hóa: bố trí bãi chứa tạm đảm bảo về môi trường, gần khu vực thi công để thu gom chất thải xây dựng; trong đó, khối lượng vêt hữu cơ khoảng 4.845,4 m³ được tận dụng hoàn toàn và đổ tại khu vực công viên cây xanh của Dự án; khối lượng chất thải rắn từ việc phá dỡ đường BTXM hiện trạng được tận dụng đổ san vào phạm vi hành lang đường ĐT631 trong phạm vi dự án với khối lượng khoảng 7,65 m³.

b) Giai đoạn hoạt động: Người dân thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chuyển giao cho đơn vị thu gom tại địa phương để xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Giai đoạn thi công, xây dựng: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm; thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác: Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, GPMB, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Dự án chỉ được phép triển khai sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: tại khu vực phía Bắc dự án, đoạn giáp với khu dân cư hiện trạng, Tọa độ (X = 1.558.658; Y = 601.770).

- Chỉ tiêu giám sát: Hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.